

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang không ngừng phát triển và đã có những bước tiến tốt bậc trong vài năm trở lại đây. Việc tham gia vào các tổ chức lớn giúp cho Việt Nam khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế cả về văn hoá, xã hội lẫn kinh tế, chính trị. Trong lĩnh vực kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam ngoài những cơ hội mới còn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong nước, công ty liên doanh và công ty nước ngoài. Tình thế đó đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải có những hướng kinh doanh linh hoạt để tồn tại và phát triển.

Công tác kế toán tại doanh nghiệp là một kênh cung cấp thông tin quan trọng giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty và đưa ra các quyết định kịp thời, nhanh chóng, chính xác trong tình hình cạnh tranh hiện nay. Trong đó, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Thực hiện đúng chương trình thực tập tốt nghiệp của trường Đại học dân lập Hải Phòng, dưới sự đồng ý của Giám đốc Công ty CP TM và dịch vụ vận tải Thái Hà, em đã tiến hành thực tập tại Công ty. Trong thời gian thực tập, tìm hiểu về Công ty và nhận thấy rõ tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đến sự phát triển của Công ty, em đã lựa chọn đề tài: : ***“ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại & dịch vụ vận tải Thái Hà ”***, cho khoá luận tốt nghiệp của mình. Nội dung của khoá luận ngoài mở đầu và kết luận đ-ợc kết cấu làm 3 ch-ong:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động của mình luôn tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Xác định được doanh thu chi phí sẽ là cơ sở cho việc sản xuất đầu tư và mở rộng quy mô của các doanh nghiệp. Đất nước đang bước vào thời kỳ hội nhập. Đây chính là những cơ hội, những thách thức đối các doanh nghiệp tự khẳng định, tìm chỗ đứng vững chắc của mình trên thị trường nhưng đồng thời cũng phải chấp nhận không ít những khó khăn, bởi khi đó sự cạnh tranh gay gắt là điều không tránh khỏi. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp phải luôn chủ động tìm cho mình phương thức hoạt động có hiệu quả, nhanh nhạy và thích ứng kịp thời với sự phát triển sôi động của nền kinh tế toàn cầu.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh ta có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao để nâng cao được doanh thu cho doanh nghiệp giảm chi phí đến mức thấp nhất.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đơn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu

1.2.1.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.1.2. Các loại doanh thu

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

❖ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính.

- **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Thu nhập khác** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- + **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- + **Giảm giá hàng bán** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.
- + **Giá trị hàng bán bị trả lại** là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Ngoài ra, các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt : là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- + Thuế xuất khẩu : là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa giữa các quốc gia.
- + Thuế Giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí

1.2.2.1. Chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.2.2.2. Các loại chi phí

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính.

❖ Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{thuế suất thuế TNDN}$$

1.2.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

-Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Lãi(lỗ)

từ hoạt động KD thông thường	=	DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính	-	CPBH và QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ
-------------------------------------	----------	---------------------------------	----------	-------------------------	----------	--------------------------------------	----------	------------------------------------	----------	---

Kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp chính là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN. Và được xác định bằng công thức sau:

Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD thông thường	+	Lợi nhuận khác
-------------------------------------	----------	---	----------	-----------------------

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN
--------------------------------	----------	----------------------------------	----------	--------------------------

1.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ.

1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động

Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường (Mẫu số 01GTKT-3LL))

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 02 GTTT-3LL)

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 P XK-3LL)

- Tờ khai thuế GTGT

- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)

Tài khoản sử dụng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DN đ- ợc thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những DN nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

+ Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà DN được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả ngắn trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

Kết cấu của TK 511:

Bên nợ: - Các khoản giảm doanh thu bán hàng (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại)

- Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư.

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

Là số tiền thu được do bán hàng hoá sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Kết cấu của TK512:

Bên nợ: - Phản ánh trị giá hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong nội bộ.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán .

Tài khoản 512 không có số dư.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

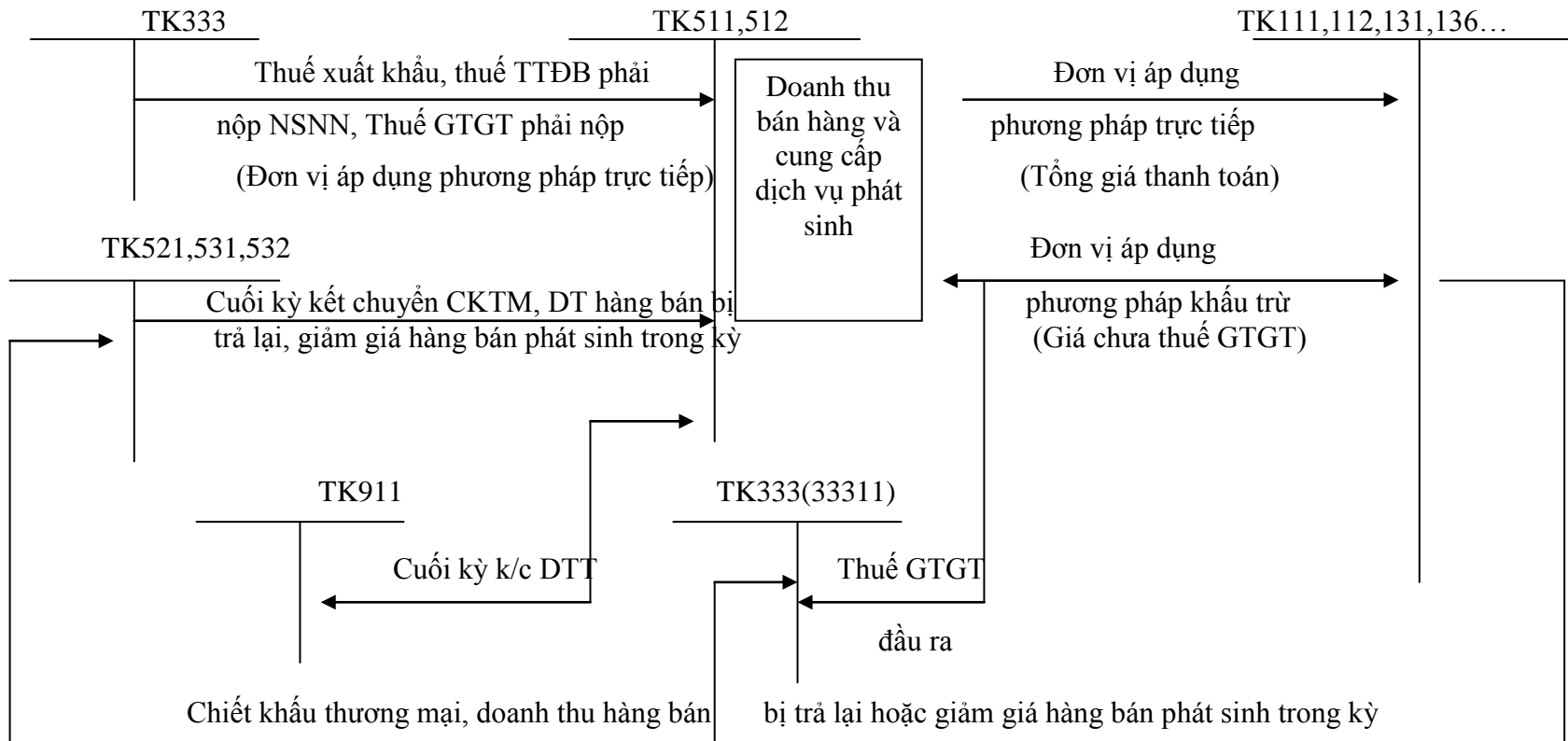
TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Phương pháp hạch toán doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại (CKTM): Tài khoản này dùng để phản ánh khoản CKTM mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu tài khoản:

- + Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- + Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 911 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ. TK 521 có 3 TK cấp 2:

- + TK 5211: Chiết khấu hàng hoá
- + TK 5212: Chiết khấu thành phẩm
- + TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo.

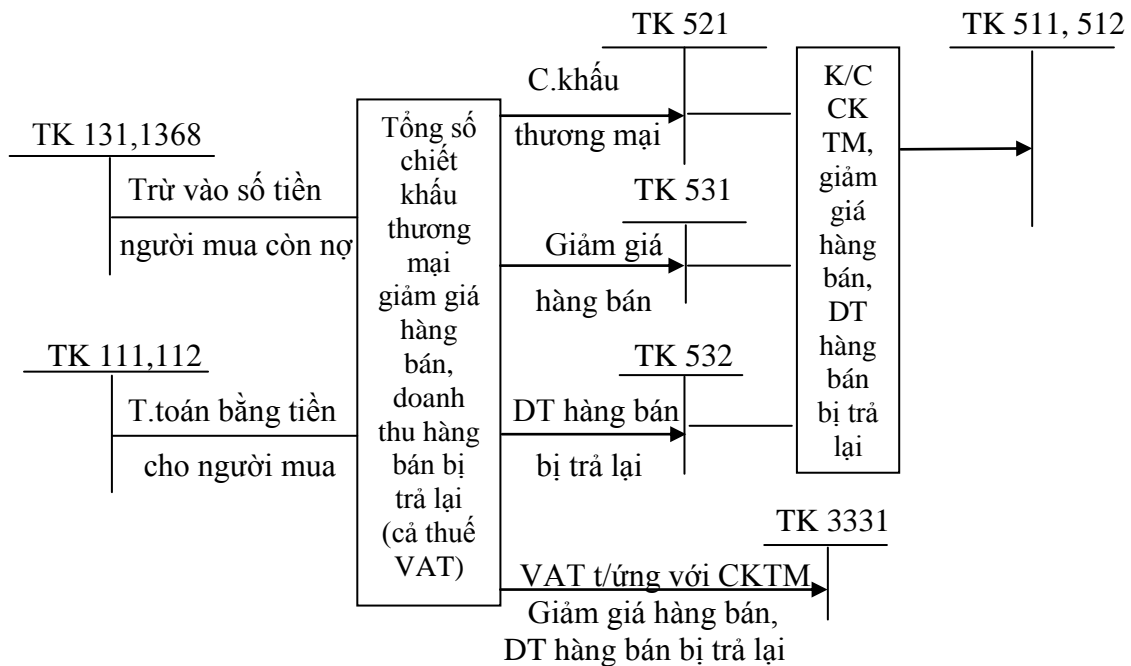
Kết cấu tài khoản:

- + Bên Nợ: Các khoản giảm giá đã chấp nhận cho người mua hàng.
- + Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng hoá bán ra sang TK 511 và TK 532 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn).

Tài khoản 532 có kết cấu tương tự như Tài Khoản 531.

Sơ đồ 2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.3.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh

1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

*Phương pháp xác định giá vốn

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

* Phương pháp tính theo giá đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

* Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

$$\begin{aligned} & \text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân} \\ & \quad + \text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} \\ & \text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

* Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

* Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02/GTTT – 3LL)

Tài Khoản 632 - Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản

phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: + Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình, tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng năm trước.

- Bên Có: + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước)

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá của dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911.

Tài Khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

****Kế toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên***

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Giá vốn hàng bán là giá gốc (giá mua vào) của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho.

- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua TK 621, TK 622 và TK 627.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK 154 để xác định giá vốn hàng bán.

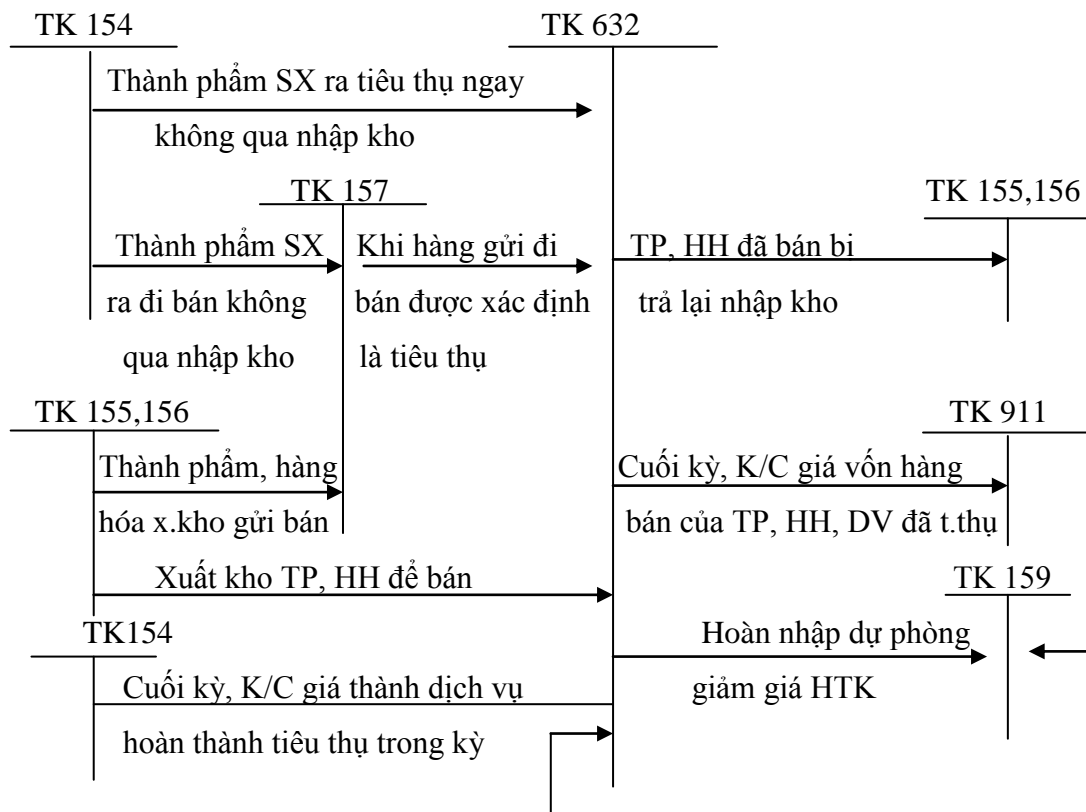
- Đối với hàng hóa do công ty tự sản xuất thì giá thực tế sản phẩm xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế SP tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế SP tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

- Để theo dõi giá vốn hàng bán thì chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa, thành phẩm kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hóa.

- Khi bán hàng thì kế toán lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán cả tháng, lập bảng tổng hợp N - X - T hàng hóa để lập báo cáo bán hàng và để xác định trị giá vốn của hàng xuất bán trong kỳ.

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



Trích lập dự phòng giảm giá HTK

*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

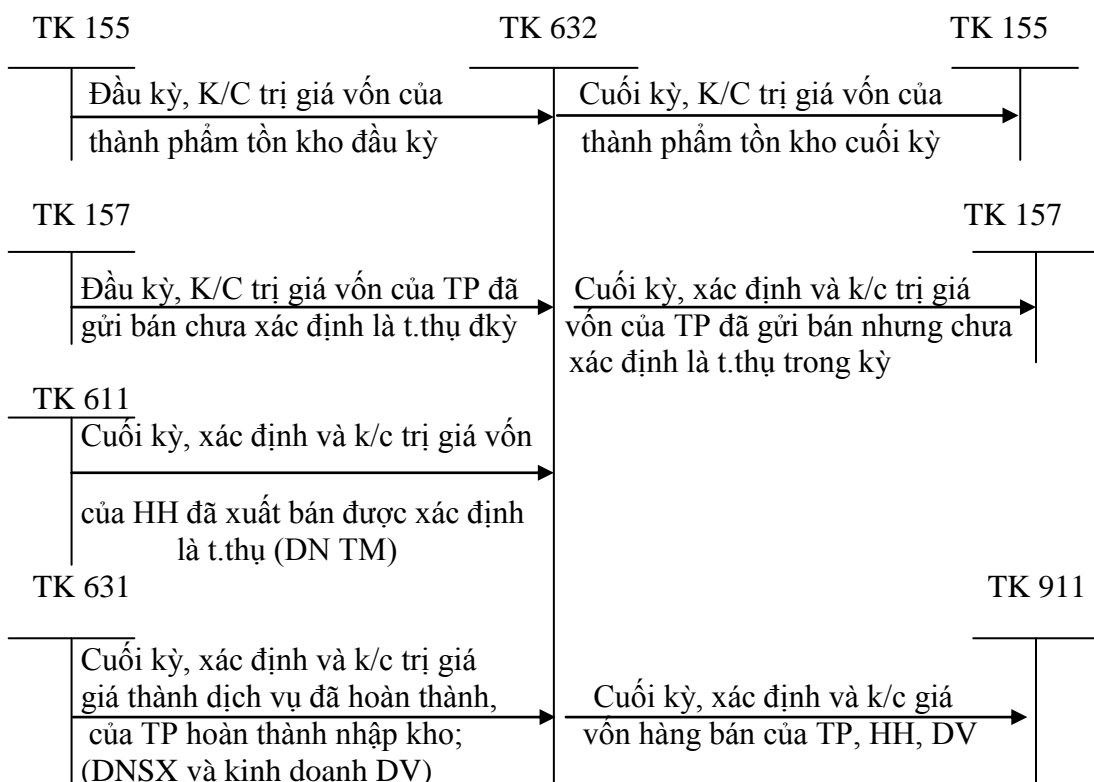
Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & + & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ	=	Trị giá thực tế của HH tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá vốn của HH gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ	+	Trị giá thực tế của HH nhập kho trong kỳ	-	Trị giá vốn thực tế của HH tồn kho cuối kỳ	-	Trị giá vốn thực tế của HH gửi bán chưa xác định là tiêu thụ cuối kỳ
---	---	---	---	--	---	--	---	--	---	--

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.3.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp) chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm.....

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, KH TSCĐ.....

Chứng từ sử dụng.

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)

Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Kết cấu của TK641:

Bên nợ: - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả KD.

Tài khoản 641 không có số dư.

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

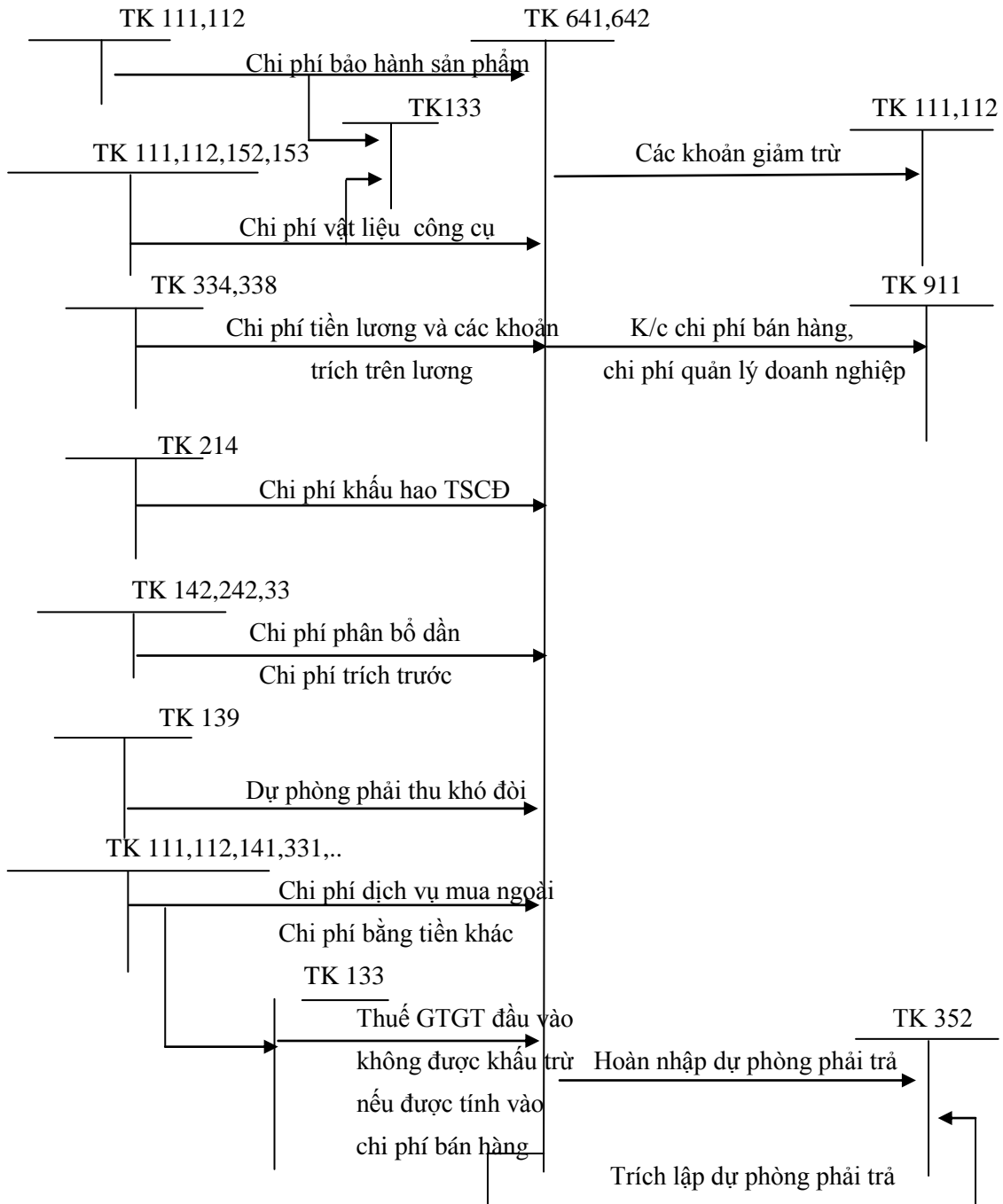
Tài khoản sử dụng TK642

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Quy trình hạch toán: CPBH, CPQLDN được thể hiện thông qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:



1.3.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.3.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính (DTHĐTC): tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Tài khoản sử dụng: TK 515 _ Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp

+ Kết chuyển DTHĐTC thuần sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có:

+ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng.

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào DTHĐTC.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.3.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính (CPTC): Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản sử dụng: TK 635_Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào CPTC.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

- Bên Có:

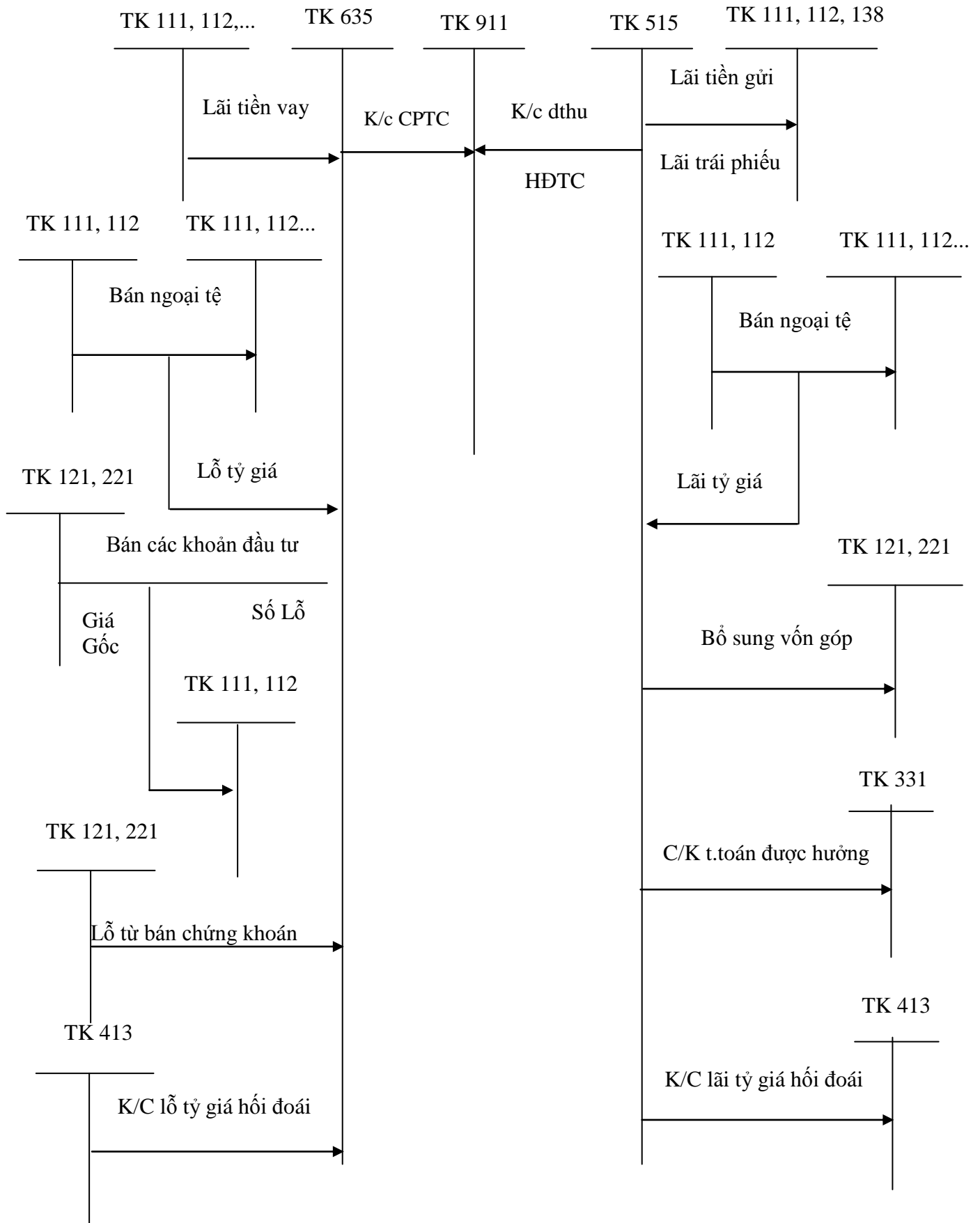
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện thông qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1. 5: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính:



1.4. Kế toán thu nhập, chi phí khác.

1.4.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác: là các khoản thu nhập khác, doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Tài khoản sử dụng: TK 711_Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - Bên Có: + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Chứng từ sử dụng:

- Giấy nộp tiền, Phiếu thu, Phiếu chi.

- Đề nghị thanh toán.
- Hoá đơn bán lẻ hàng hoá.
- Hợp đồng kinh tế, hợp đồng thuê tài sản...
- Báo nợ, báo có, uỷ nhiệm chi, sao kê ngân hàng.

Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 711_Thu nhập khác

1.4.2. Kế toán chi phí khác

Tài Khoản 811 - Chi phí khác: phản ánh các khoản chi phí khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm một số nội dung sau:

Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 811_Chi phí khác

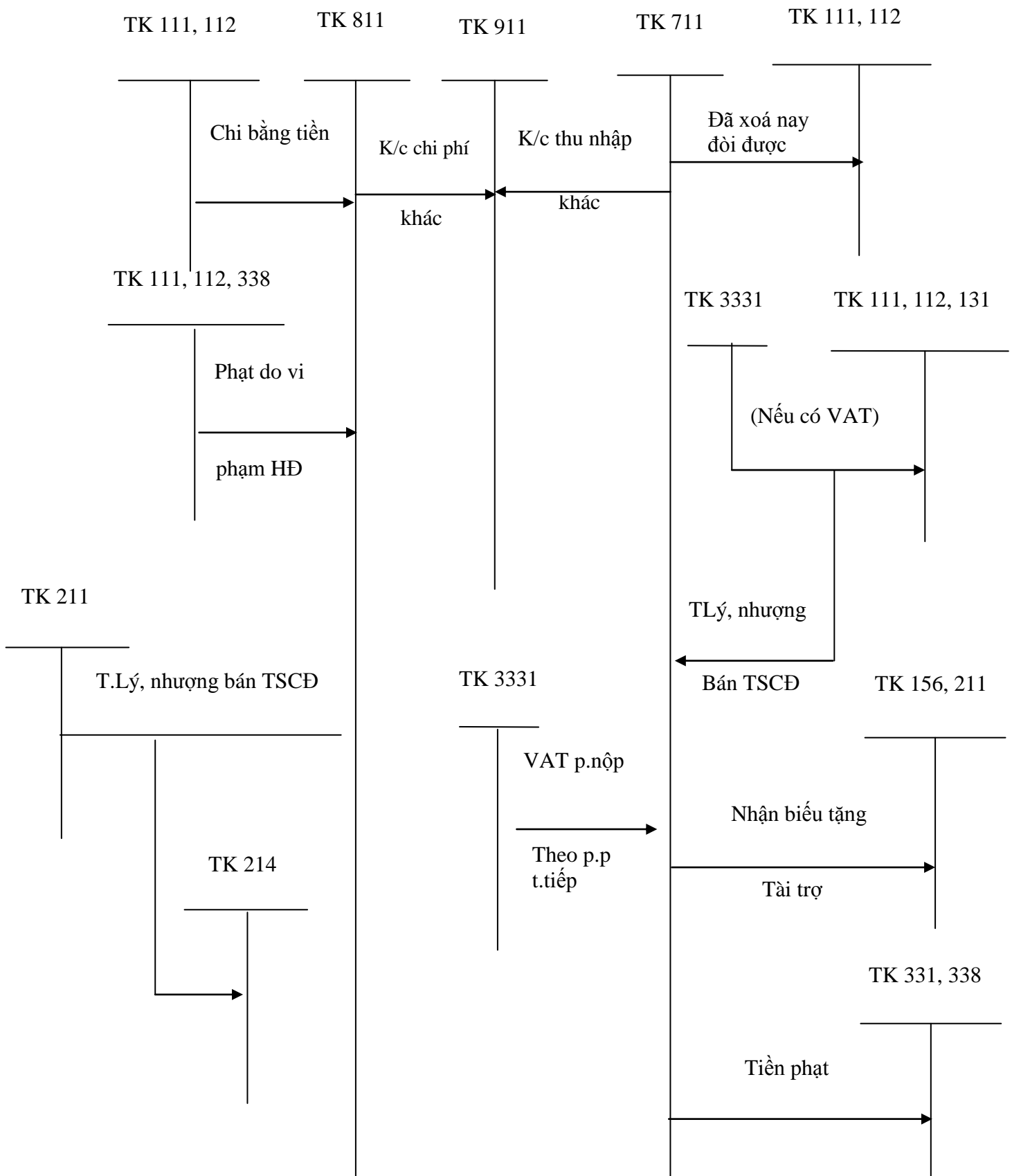
Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.
- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Quy trình hạch toán: Thu nhập khác, chi phí khác được thể hiện thông qua sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1. 6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



1.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.5.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán năm.

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Kết quả} & & \text{Kết quả} & & \text{Kết quả} \\ & & \text{hoạt} & & \text{hoạt} & & \text{hoạt} \\ \text{Kết quả} & & & & & & \\ \text{kinh doanh} & = & \text{động sản} & + & \text{động tài} & + & \text{động} \\ & & \text{xuất kinh} & & \text{chính} & & \text{khác} \\ & & \text{doanh} & & & & \end{array}$$

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: **Tài khoản 911** – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:
- + Phản ánh trị giá vốn hàng bán (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ)
- + Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm tiêu thụ.
- + Chi phí hoạt động tài chính.
- + Chi phí khác.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

+Chi phí Thuế TNDN

+Lợi nhuận sau thuế

- Bên Có:

+ Phản ánh doanh thu thuần về tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ.

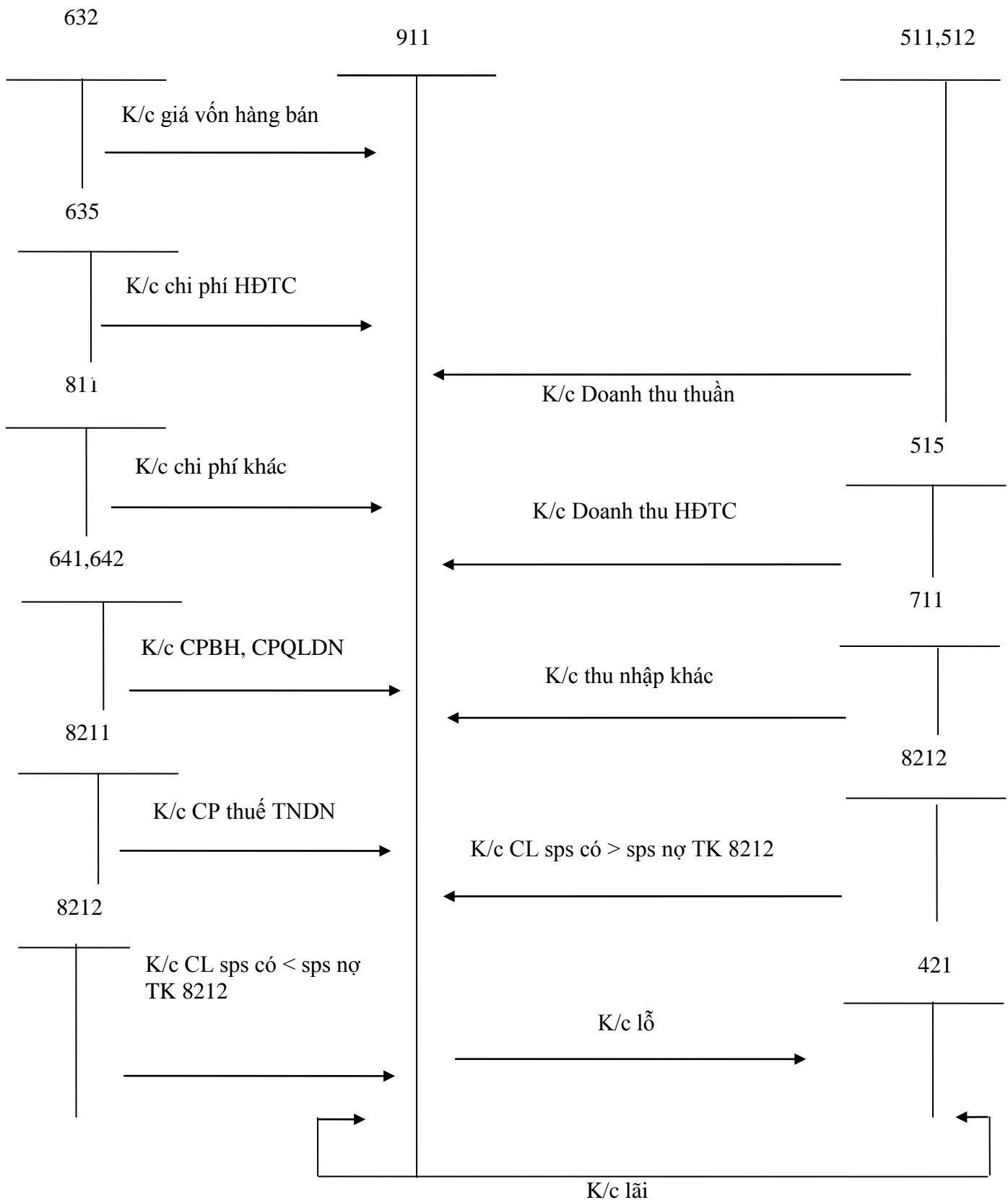
+ Thu nhập thuần về hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.

+ Thực lỗ về các hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ và có thể mở chi tiết theo từng hoạt động.

. Quy trình hạch toán: Kế toán xác định kết quả kinh doanh thể hiện thông qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1. 7: Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THÁI HÀ

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THÁI HÀ

Tên giao dịch tiếng anh : THAI HA TRANSPORTATION SERVICE AND TRADE JOIN STOCK COMPANY

Tên viết tắt : THAI HA TST I.S.C.

Loại hình doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ : Số 32 ngõ 9, Đường Hồ Sen , Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân , Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 031.3620626

Fax :

Số tài khoản: 10920849721.01.1 tại ngân hàng TECHCOMBANK HAI PHONG

Vốn điều lệ : 5.000.000.000.VNĐ

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà được thành lập ngày 9/8/2005 theo đăng ký kinh doanh số 0203001672 của Sở kế hoạch Đầu T- Thành Phố Hải Phòng. Với số vốn điều lệ là 5.000.000.000 (5 tỷ đồng chẵn).

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà là một pháp nhân độc lập được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có tư cách pháp nhân độc lập, và hạch toán độc lập.

Kể từ khi đi vào hoạt động, công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 2 lần. Danh sách các cổ đông sáng lập công ty bao gồm 4 người:

1. Đinh Quang Thái
2. Đặng Thị Hồng Hà
3. Trịnh Hồng Nghiêm
4. Lê Thị Thanh

Những thuận lợi của công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải Thái Hà trong quá trình hoạt động là:

-Có đội ngũ nhân viên trẻ khỏe được đào tạo cơ bản, nhiệt tình với công việc, có tinh thần kỉ luật tốt. Công ty đã tạo được uy tín với khách hàng, được khách hàng khen ngợi về dịch vụ cung cấp.

-Có đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm.

Bên cạnh đó cũng còn một số khó khăn

-Tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ chưa ổn định.

-Thị trường bị cạnh tranh gay gắt.những biên động về giá cả.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

- Chức năng

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà là một doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau và có chức năng chủ yếu sau:

-Dịch vụ vận chuyên hàng hoá xuất nhập khẩu, vận tải thuỷ bộ, thuê hộ kho bãi, vận tải đa phương thức, vận chuyên hàng hoá quốc tế, đại lý môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển.

-Dịch vụ hải quan, nâng hạ, xếp dỡ hàng hoá .

-Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Xây dựng công trình phục vụ cho ngành giao thông vận tải công nghiệp, thuỷ lợi và dân dụng; san lấp mặt bằng ;

-Trang trí nội thất; Kinh doanh nhà ở và bất động sản.

- Nhiệm vụ của công ty

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ nhằm cung cấp đủ nhu cầu cho người tiêu dùng.

- Bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông

- Kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao, tăng tích lũy.

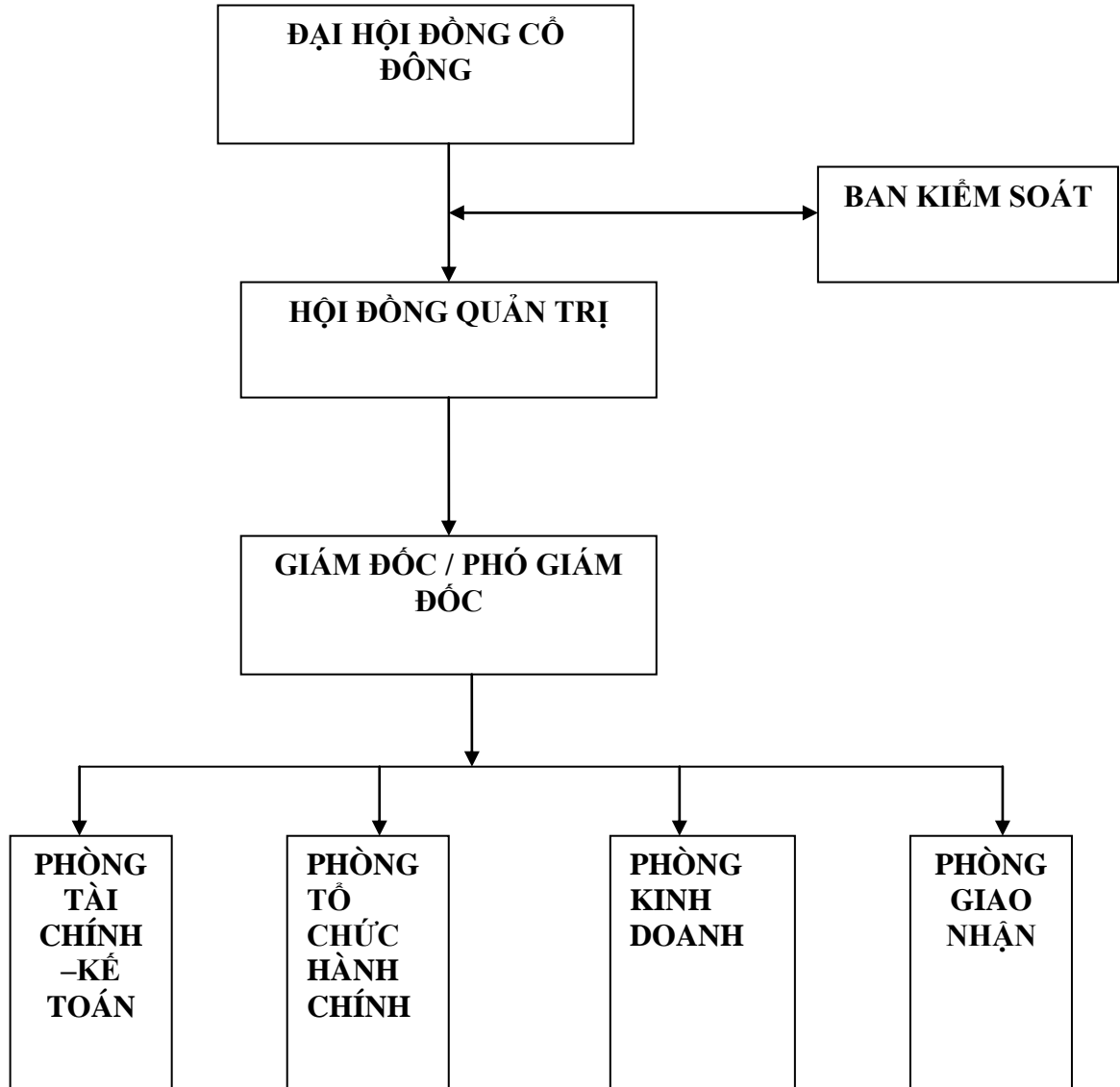
- Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước
- Góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ tuy mới được thành lập nhưng công ty đã thiết lập cho mình một hệ thống quản lý, điều hành kinh doanh gọn nhẹ và hợp lý từ lãnh đạo cho đến nhân viên.

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà theo mô hình trực tuyến chức năng: Giám đốc trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty thông qua các phòng ban chức năng. Cụ thể mô hình bộ máy tổ chức quản lý công ty như sau:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của công ty được thể hiện ở sơ đồ sau:



Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát của công ty....

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan để hoạt động của công ty(trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Hiện tại số thành viên của HĐQT là 5 thành viên, với nhiệm kỳ tối đa là 5 năm.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện ban kiểm soát gồm 3 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban giám đốc.

Ban giám đốc:

Ban giám đốc của công ty bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc.

Giám đốc: Do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Phó giám đốc: Thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh....

Phòng kinh doanh:

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công

ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách tình hình thương mại của các cửa hàng xăng dầu. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng hóa hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Phòng tổ chức hành chính:

Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Xây dựng cơ chế hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động và kiểm tra xử lý những trường hợp bất hợp lý, có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khỏe n toàn lao động, chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tiền lương theo chế độ của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng luồng tuyến vận chuyên, khảo sát định mức ngày công cho việc sửa chữa tàu, tính lương phải trả hàng năm cho người lao động.

Phòng kế toán tài chính:

Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

Phòng giao nhận:

Tổ chức giao nhận hàng hoá đảm bảo theo đúng nguyên tắc

Tổ chức bảo quản, bảo vệ hàng hoá

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

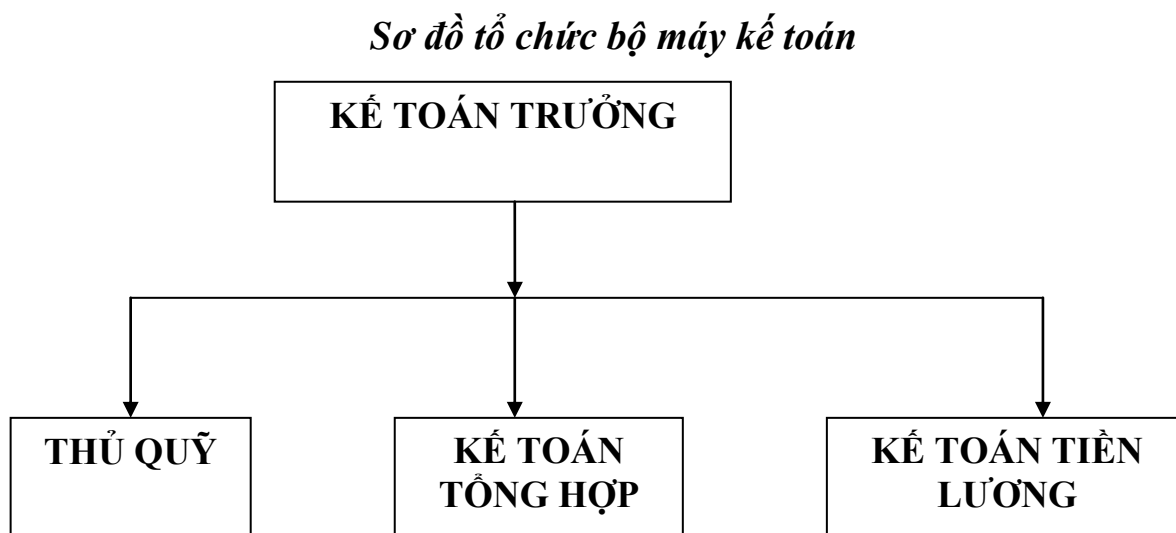
Trong các phòng ban chức năng thuộc bộ máy quản lý công ty, phòng Kế toán tài chính là trung tâm quan trọng nhất, đảm bảo tài chính giám sát toàn bộ quá trình kinh doanh, tham mưu cho Giám đốc về mọi mặt của quá trình kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty phù hợp với mô hình tổ

chức sản xuất kinh doanh của công ty với bộ máy gọn nhẹ linh hoạt làm việc có hiệu quả.

Ngoài ra phòng kế toán còn đảm nhiệm cung cấp thông tin kịp thời chính xác và đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin. Kế toán viên phải phân loại chứng từ, kiểm tra chứng từ ban đầu, tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời toàn bộ tài sản. Tính toán và trích nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả, cổ tức... Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT, báo cáo quyết toán của công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định.

Do đặc điểm tính chất hoạt động và quy mô của công ty. Công ty đã lựa chọn hình thức kế toán tập trung. Theo hình thức này phòng Tài chính Kế toán Công ty làm nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra hạch toán kế toán toàn Công ty.

Sơ đồ 2.2:



Theo mô hình trên chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

-Kế toán trưởng :

Có nhiệm vụ giúp cho giám đốc về công tác chuyên môn, phổ biến chỉ đạo công tác chuyên môn cho bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm trước cấp trên về việc chấp hành chế độ kế toán hiện hành, tổ chức bảo quản tài liệu hồ sơ kế toán, lựa

chọn các hình thức sổ sách phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Là người kiểm tra tình hình hạch toán, tình hình huy động vốn và phân tích tài chính để cho thông tin kịp thời và toàn diện giúp Ban giám đốc đưa ra quyết định chính. Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của Bộ tài chính và hướng dẫn của công ty. Đồng thời kế toán trưởng có quyền chỉ định, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong phòng kế toán.

-Kế toán tổng hợp :

Tập hợp kiểm tra kí xác nhận việc đối chiếu các chứng từ :Sổ quỹ Tiền mặt, sổ TGNH, sổ tiền vay ngân hàng, tờ kê chi tiết thanh toán chi phí ...kê khai thuế GTGT đúng thời hạn, lập báo cáo thu-chi, hàng quý lập BCTC-BCKT, hàng năm lập BC quyết toán TC... Theo dõi thường xuyên các công nợ, xác định giá trị Doanh thu, thuế phải nộp ,....

Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, lập và trình với ngân hàng, thường xuyên cập nhật số dư tiền gửi, tiền vay, lập hồ sơ vay vốn ngân hàng, hàng tháng tập hợp chứng từ tiền gửi ngân hàng, tiền vay cho kế toán tổng hợp hàng quý tính lãi vay

-Thủ quỹ công ty:

-Chịu trách nhiệm thu tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị (công trái, cổ phiếu, trái phiếu, vàng, bạc, đá quý...) và chi tiền theo chứng từ thu chi hợp lệ đã được phê duyệt.

-Chịu trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm, đồng thời chịu trách nhiệm về số tồn quỹ và nội dung ghi trên sổ quỹ.

-Hàng ngày kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với tài khoản tiền mặt của kế toán thanh toán.

-Báo cáo kế toán trưởng về số tồn quỹ tiền mặt hàng ngày hoặc khi có yêu cầu.

-Kế toán lương :

Chịu trách nhiệm tính ra lương phải trả, thanh toán lương hàng tháng cho cán bộ công nhân viên toàn đơn vị

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.

- Hình thức kế toán công ty áp dụng là : **Nhật ký chung**

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản có liên quan. Cuối tháng căn cứ vào sổ cái các tài khoản liên quan, kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi khoá sổ, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ để lập Báo cáo tài chính của kỳ kế toán. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện thông qua sơ đồ 2.3.

2.1.4.4. Chế độ kế toán áp dụng

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam

Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán : Mẫu số B01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02 - DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09 - DNN
- Bảng Cân đối tài khoản : Mẫu số F01 - DNN

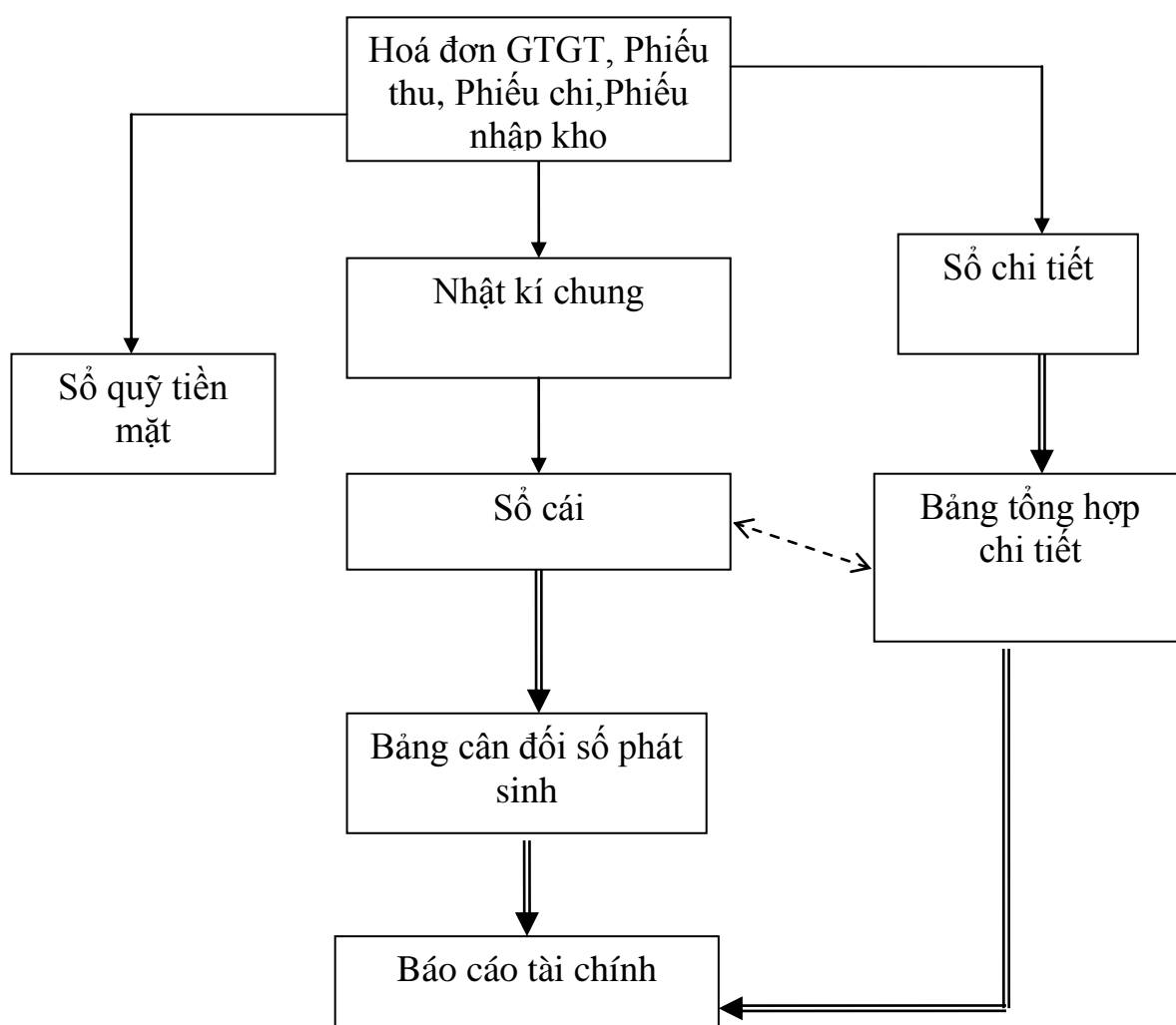
Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

Đối với công ty cổ phần thì thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Sơ đồ 2.3:

Sơ đồ hạch toán theo hình thức sổ kế toán Nhật kí chung.



Ghi chú: : \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi cuối kỳ
 \longleftrightarrow : Đối chiếu kiểm tra

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà .

2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

2.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà.

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm:

- _ Doanh thu nâng hạ cont
- Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont
- Doanh thu cước biển
- Doanh thu khác

Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các sổ chi tiết được sử dụng, sổ chi tiết phải thu của khách hàng
- Các chứng từ có liên quan khác...

Tài khoản sử dụng:

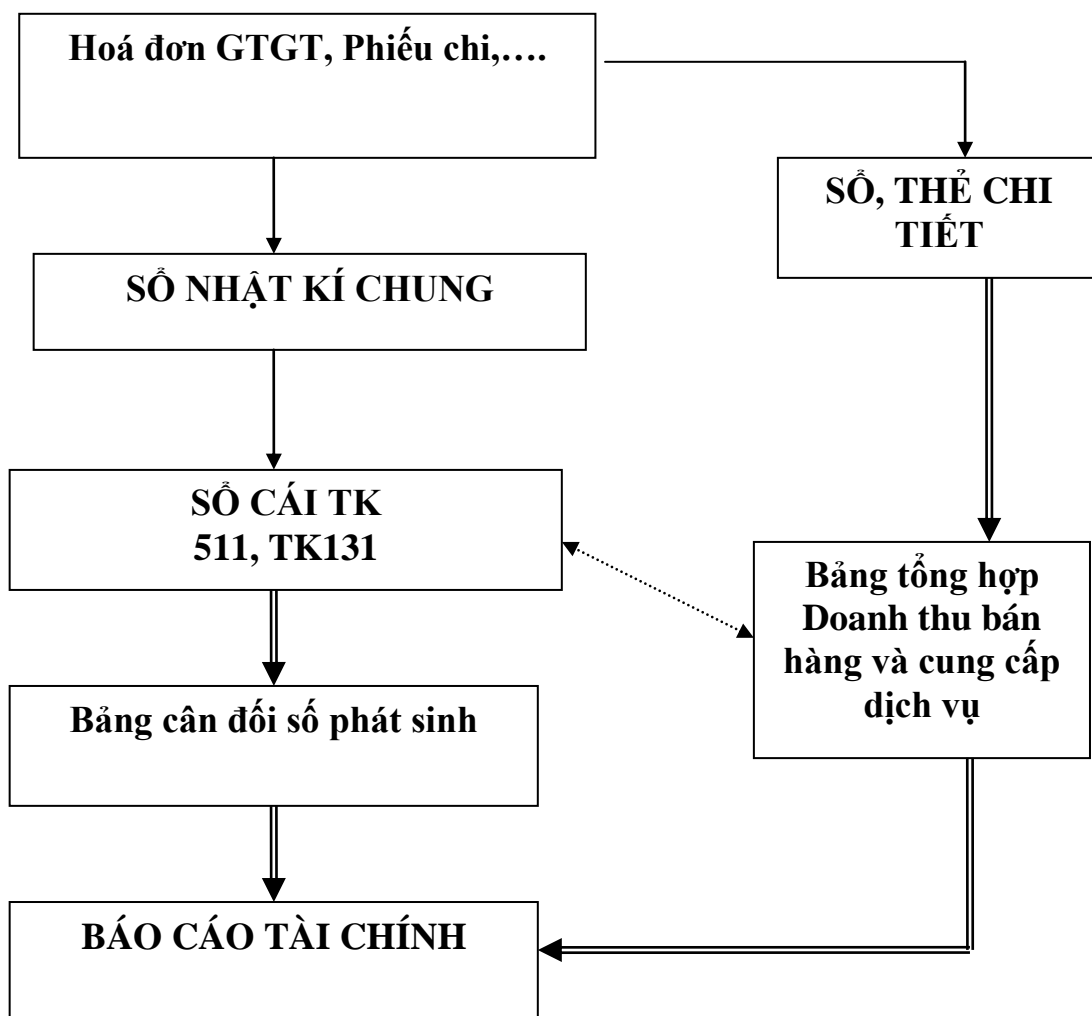
511_ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.TK 511 được mở các chi tiết

- Tài khoản 51131 – Doanh thu nâng, hạ cont
- Tài khoản 51132 – Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont
- Tài khoản 51133 – Doanh thu vận tải biển
- Tài khoản 51138 – Doanh thu dịch vụ khác
- Và các tài khoản khác có liên quan...

Quy trình hạch toán: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua sơ đồ 2.4

Sơ đồ 2.4:

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú: : \longrightarrow : Ghi hàng ngày
: \Longrightarrow : Ghi cuối kỳ
: \longleftrightarrow : Đối chiếu kiểm tra

VÍ DỤ:

Ngày 20/12/2009, theo HĐ số **0075041** về cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hoá tuyến Hải Dương –Hà Nội cho công ty TNHH MTV nông sản thực phẩm TBH. Tổng số tiền thanh toán là 35.885.14 đồng, thuế GTGT là 5%.

Từ HĐ GTGT số **0075041** kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 35,885,714

Có TK 511 : 34,176,870

Có TK 3331: 1,708.844

Từ nghiệp vụ phát sinh trên được ghi vào sổ nhật kí chung (Biểu số 2.2), từ nhật kí chung ghi sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3), sổ cái TK111, TK 333.

Đồng thời từ HĐ GTGT kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 511(Biểu số 2.4), Sổ quỹ tiền mặt ...

Cuối tháng từ sổ chi tiết TK 511 lập bảng tổng hợp doanh thu (Biểu số 2.5)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà**

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01/GTKT-3LL
NA/2009B
0075041

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà					
Địa chỉ: Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-Hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng					
Số tài khoản: <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/>					
Điện thoại: 0313.620626.			MS:		
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH MTV nông sản thực phẩm TBH					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: K11+300 Quốc lộ 1A_Văn Điển_Thanh Trì_Hà Nội					
Số tài khoản: <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value=""/> <input type="text" value=""/>					
Hình thức thanh toán: CK			MS:		
STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Cước vận chuyển nâng hạ container	Tấn	471		34,176,870
Cộng tiền hàng					34,176,870
Thuế suất GTGT: 5%. Tiền thuế					1,708.844
Tổng cộng tiền thanh toán:					35.885.714
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng chẵn.</i>					

Ng-ời mua hàng Ng-ời bán hàng Thủ tr-ởng đơn vị
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà**

Biểu số 2.2:

Công ty cổ phần thương mại và dịch
vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng
Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....
20/12/09	HĐ 0075041	20/12/09	Doanh thu cước vận chuyển nâng hạ cont_Cty TBH	131	35,885,714	
				51131		34,176,870
				3331		1,708.844
.....
25/12/09	HĐ 0075186	25/12/09	Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont_Cty Á Châu	131	10,450,000	
				51132		9,52,380
				3331		497,620
31/12/09	HĐ 0075295	31/12/09	Doanh thu vận tải biển(Cty Asean)	131	95,238,095	
				51133		90,702947
				3331		4,535,147
31/12/09	GBN 000296	31/12/09	Trần Thị Thu	111	11,500,000	
			Trang rút séc	112		11,500,000
.....
			Cộng		45,515,093,62	45,515,093,62

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.3:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN
511_ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Quý 4 năm 2009**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
31/12/09	HĐ0075025	31/12/09	Thu tiền cước v/chuyển (Cty Asean)	131		67,690,476
31/12/09	HĐ0075036	31/12/09	Thu tiền cước v/chuyển (Cty Ngân Hà)	111		69,714,400
31/12/09	HĐ0075041	31/12/09	Doanh thu cước vận chuyển nâng hạ cont_Cty TBH	131		34,176,870
31/12/09	KC2190	31/12/09	Kết chuyển doanh thu	911	10,488,211,670	
			Cộng số phát sinh		10,488,211,670	10,488,211,670
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích Sổ cái TK 511 Quý 4 năm 2009)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.4:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT
51131_Doanh thu nâng, hạ cont
Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
20/12/09	HĐ0075041	20/12/09	Cước vận chuyển nâng hạ cont_Cty	131		34,176,870
30/12/09	HĐ0075048	30/12/09	Cước vận chuyển dỡ hàng_Cty Ba Vì	131		25,938,199
31/12/09	HĐ0075051	31/12/09	Cước vận chuyển dỡ hàng_Cty Hoàng Tiên	131		122,022,000
.....
31/12/09	KC2190	31/12/09	Kết chuyển DT cước nâng hạ để XD	911	3,752,720,812	
			Cộng số phát sinh		3,752,720,812	3,752,720,812
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

(Trích Sổ chi tiết TK 51131 Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.5:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Quý 4 năm 2009

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
51131	Doanh thu nâng, hạ cont	3,752,720,812
51132	Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont	248,336,363
51133	Doanh thu vận tải biển	5,967,932,693
51138	Doanh thu dịch vụ khác	519,221,802
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,488,211,670

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.6

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT
131_ Phải thu của khách hàng
Công ty TNHH một thành viên nông sản thực phẩm TBH
Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			93,657,670
			Số phát sinh			
25/12/09	HĐ75041	20 /12/ 09	Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont	51132	34,176,870	
				3331	1,708.844	

27/12/09	HĐ75190	31/12/09	Phải thu của k/hàng	51132	417,142,859	
				3331	20,857,142	
31/12/09	CK2130	31/12/09	K/hàng trả = CK	112		124,530,000
			Cộng số phát sinh		5,928,408,669	4,704,315,183
			Số dư cuối quý		1,130,435,816	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP TM và DV vận tải Thái Hà

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng, chứng từ sổ sách sử dụng.

Tài khoản sử dụng

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà chuyên về hoạt động trong lĩnh vực vận tải, thu tiền cước vận chuyên, cước biển, dỡ hàng Tất cả mọi chi phí liên quan đến những hoạt động dịch vụ này đều được tập hợp và hạch toán vào TK 154, sau đó sẽ được kết chuyển sang TK 632_Giá vốn hàng bán.

Để xác định giá vốn công ty mở chi tiết các chi phí cho từng loại dịch vụ như sau:

- _TK 1541 Chi phí nâng, hạ cont
- _TK1542 Chi phí phí D/O+ VSC+ lưu cont
- _TK1543 Chi phí vận tải biển
- _TK1548 Chi phí dịch vụ khác

Giá vốn cũng được mở chi tiết tương ứng

- TK6321 giá vốn nâng hạ cont
- TK6322 giá vốn phí D/O+ VSC+ lưu cont
- TK6323 giá vốn vận tải biển
- TK6328 giá vốn dịch vụ khác

***Phương pháp hạch toán giá vốn được thể hiện thông qua sơ đồ 2.7**

VD

Ngày 30/12/2009 theo **HĐ GTGT 5041** phát sinh nghiệp vụ về chi phí nâng hạ cont cho công ty Á Châu.

Kế toán ĐK:

Nợ TK1541: **16,637,506**

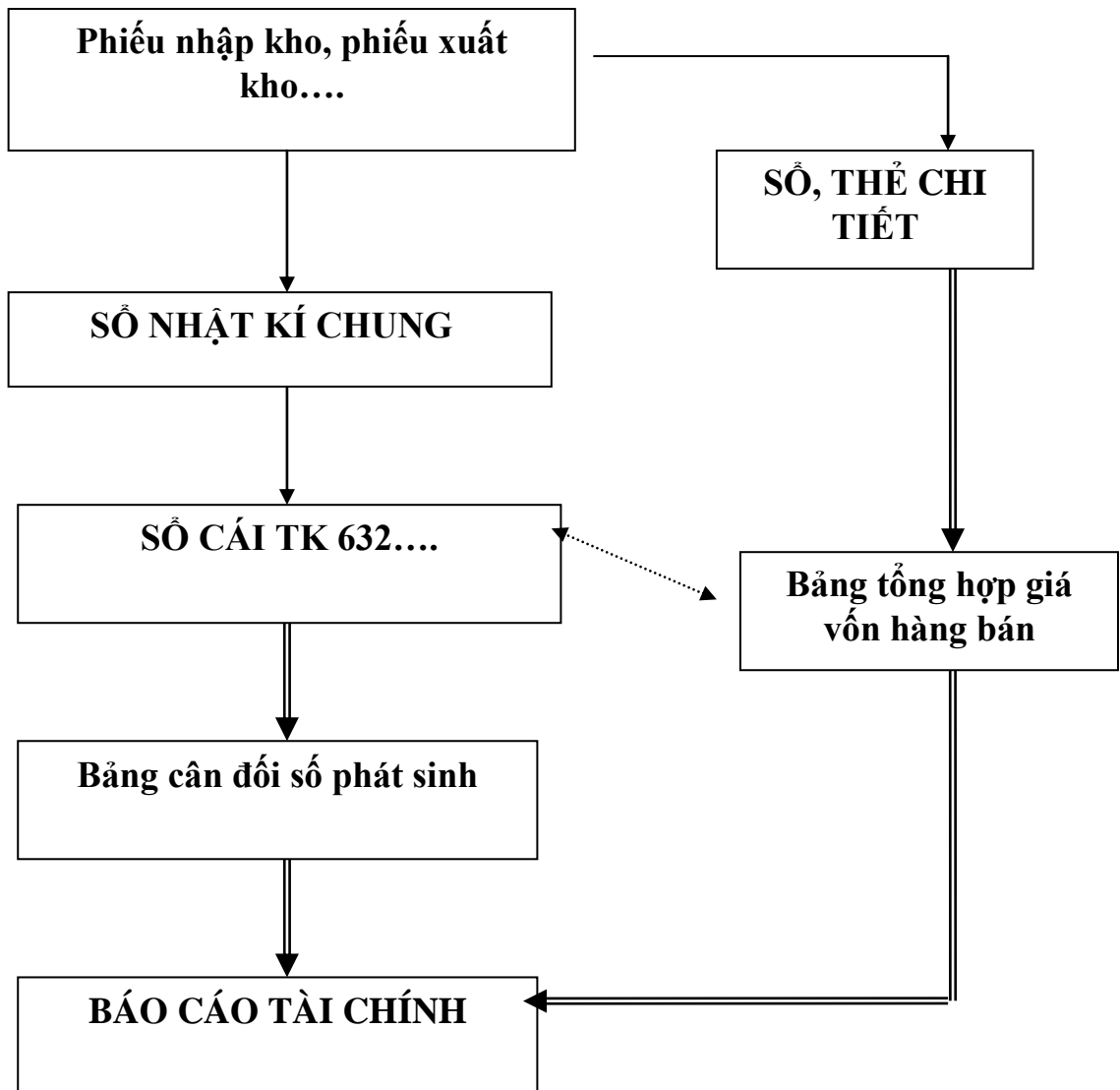
Nợ TK 133: **831,876**

Có TK 111: **17,469,382**

Từ nghiệp vụ phát sinh trên KT ghi vào sổ nhật kí chung (Biểu số 2.8), từ nhật kí chung ghi sổ chi tiết TK 1541 (Biểu số 2.9), cuối tháng kết chuyển chi phí phát sinh từ TK 154 sang TK 632 (Biểu số 2.10).

Sơ đồ 2.7

Quy trình luân chuyển chứng từ



**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà**

Biểu số 2.8

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải
Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....
30/12/09	HD 5041	30/12/09	Giá vốn nâng hạ cont (Cty Á Châu)	1541	16,637,506	
				133	831,876	
				111		17,469,382
31/12/09	HD 5186	31/12/09	Giá vốn phí VSC +Giám định, lưu công (cty Á Châu)	1542	2,170,562	
				133	108,529	
				111		2,279,091
31/12/09	HD 5295	31/12/09	Giá vốn vận tải biển (Hoàng tiến Đạt)	1543	647,202,908	
				133	32,360,146	
				111		679,563,054
		
31/12/09	GV 1123	31/12/09	Kết chuyển giá vốn	6321	3,634,323,345	
				154		3,634,323,345
		
			Cộng		45,515,093,62	45,515,093,621

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.9

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Quý 4 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí nâng hạ cont

Số hiệu: **1541**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
30/12/09	HĐ5041	30/12/09	Phí nâng hạ cont (cty Á Châu)	111	16,637,506	
30/12/09	HĐ5071	30/12/09	Phí nâng hạ cont (cty ASEAN)	111	25,938,199	
30/12/09	HĐ5086	30/12/09	Phí nâng hạ cont (cty Á Châu)	331	23,253,000	
		
			Cộng số phát sinh		3,634,323,345	3,634,323,345
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

(Trích Sổ chi tiết TK 1541 Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.10:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN
632 _ Giá vốn hàng bán
Năm 2009**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12/09	GV1123	31/12/09	Kết chuyển giá vốn nâng hạ cont	1541	3,634,323,345	
31/12/09	GV1133	31/12/09	Kết chuyển giá vốn D/O+VSC+ lưu cont	1542	235,070,352	
31/12/09	GV1140	31/12/09	Kết chuyển giá vốn vận tải biển	1543	5,282,181,573	
31/12/09	GV1142	31/12/09	Kết chuyển giá vốn dịch vụ khác	1548	469,523,039	
			
			Cộng số phát sinh		9,621,098,309	9,621,098,309
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

(Trích Sổ Cái TK 632 Quý 4 năm 2009)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty.

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà là một Doanh nghiệp hoạt động về thương mại và dịch vụ các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh và quản lý doanh nghiệp được hạch toán chung vào TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp".

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Chi phí quản lý chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi phí trả lương cho nhân viên
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuế môn bài....

Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Bảng lương
- Hoá đơn GTGT
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Các chứng từ khác có liên quan

Quy trình hạch toán.

Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng....để tập hợp chi phí thực tế phát sinh sau đó kế toán ghi vào sổ nhật ký chung và các sổ chi tiết. từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642 và các TK có liên quan.

Ví dụ:

Ngày 31/12/09, thanh toán tiền cước điện thoại, thuế GTGT : 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt. Tổng số tiền thanh toán là: 1,858,399 đồng.

Căn cứ vào HĐGTGT và phiếu chi (biểu số 2.11) kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà*

Nợ TK 642	: 1,689,454
Nợ TK 133	: 168,945
Có TK 1111	: 1,858,399

Từ định khoản trên kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung (Biểu số 2.12). Từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.13). Sổ cái TK133,111.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.11:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà		Mẫu số : 02 - TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC) ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính		
PHIẾU CHI				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009				
		Quyển số :		
		Số: 42.....		
		Nợ TK 642: 1,689,454		
		Nợ TK 133: 168,945		
		Có TK 111: 1,858,399		
Họ tên người nhận tiền: Hoàng Minh Thủy				
Địa chỉ :				
Lý do chi: Cước điện thoại				
Số tiền : 1,858,399... (Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn ba trăm chín mươi chín đồng chẵn.				
.....				
Kèm theo : 01....Chứng từ gốc: HĐ- 21270				
.....Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009				
Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký,Họ tên)	Thủ quỹ (ký,Họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.12

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
28/12/09	PC40	31/12/09	Mua văn phòng phẩm-CH Nguyễn Đức Cảnh	642	350,000	
				133	35,000	
				1111		385,000
31/12/09	HD21270	31/12/09	Cước điện thoại	642	1,689,454	
				133	168,945	
				1111		1,858,399
31/12/09	BCCT12/09	31/12/09	Lương thêm giờ VP T12/09	642	30,315,000	
				334		30,315,000
.....
			Cộng		45,515,093,621	45,515,093,621

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: **642**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
28/12/09	PC40	31/12/09	Mua văn phòng phẩm-CH Nguyễn Đức Cảnh	1111	350,000	
31/12/09	HĐ21270	31/12/09	Cước điện thoại	1111	1,689,454	
31/12/09	BCCT12/09	31/12/09	Lương thêm giờ VP T12/09	334	30,315,000	
.....
31/12/09	KC2190	31/12/09	K/c CP QLDN để XĐKQKD	911		651,766,833
			Cộng số phát sinh		651,766,833	651,766,833
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.13

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Kế toán doanh thu tài chính

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, TK 112...

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 112

Và các tài khoản khác có liên quan ...,

Phương pháp hạch toán:

Từ các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK như TK 515, 111, 112... Đồng thời ghi vào các sổ chi tiết

VD minh họa thực tế kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Ngày 31/12/09 nhận được Giấy báo lãi của ngân hàng QUÂN ĐỘI về lãi tiền gửi được hưởng.

Căn cứ vào giấy báo lãi của ngân hàng (Biểu số 2.14) kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 1121QĐ : 82,145

Có TK 515 : 82,145

Từ định khoản trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.15). Từ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16). Sổ cái TK 112

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.14

Quân đội

Chi nhánh 014

GIAY BAO CO TRA LAI TIEN GUI

Mattv: A809

Ngày 31/12/2009

TEN DON VI : CTY CO PHAN TMDV&VT TH ÁI H À

SO cif: 20849721

SO TAI KHOAN : 109.20849721.01.1

Tu ngày	:	Den ngày	:	Lai suất	:	Tien lai
30/11/2009		31/12/2009		2.4000000000		82,145
				Tong cong		82,145
Thanh toan vien				Kiem soat vien		Truong phong

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.15

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
.....
31/12/09	GBL	31/12/09	Lãi tiền gửi - NH quân đội	1121Q	82,145	
				515		82,145
31/12/09	GBL35	31/12/09	Lãi tiền gửi – ngân hàng TECHCOMBANK	112	30,599	
				515		30,599
31/12/09	GBN	31/12/09	Cty TNHH Lôi Châu trả tiền cược	1121T	24,000,000	
				131		24,000,000
.....
			Cộng		45,515,093,621	45,515,093,621

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.16

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: **515**

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12/09	GBL809	31/12/09	Lãi tiền gửi-NH QUÂN ĐỘI	1121Q		82,145
31/12/09	GBL1121	31/12/09	Lãi tiền gửi-NHTechcombank	1121T		30,599
31/12/09	GBL314	31/12/09	Lãi tiền gửi-NH ACB	1121F		9,028
		
31/12/09	KC2190	31/12/09	Kết chuyển DTXD để XD KQKD	911	372,145	
			Cộng số phát sinh		372,145	372,145
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.17:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
.....
31/12/09	GBL785.11	31/12/09	Trả lãi món 758.11(T12/09)- NH Exim	635 1121E	4,632,667	4,632,667
31/12/09	GBL- 72	31/12/09	Lãi tiền vay- NH techcombank	635 1121T	3,272,861	3,272,861
31/12/09	GBL-NQ311	31/12/09	Trả lãi món 758.12(T12/09)- NH Ngô Quyền	635 1121NQ	46,956,264	46,956,264
.....
			Cộng		45,515,093,621	45,515,093,621

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Biểu số 2.18

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: **635**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
31/12/09	GBL785.11	31/12/09	Trả lãi món 758.11(T12/09)-NH Exim	1121E	4,632,667	
31/12/09	GBL72	31/12/09	Lãi tiền vay- NH techcombank	1121T	3,272,861	
31/12/09	GBLNQ311	31/12/09	Trả lãi món 758.12(T12/09)- NH Ngô Quyền	1121B	46,956,264	
		
31/12/09	KC2190	31/12/2009	K/C GVXD để XĐKQKD	911		56,523,584
			Cộng số phát sinh		56,523,584	56,523,584
			Số dư cuối quý			

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP TMDV & vận tải Thái Hà

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh} \\ \text{thu thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hợp lý} \\ \text{hợp lệ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Tài khoản sử dụng.

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày 31/12/2009 kế toán tập hợp chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ phát sinh doanh thu, chi phí Kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:

Kết chuyển doanh thu

Nợ TK 51131 : 3,752,720,812

Nợ TK 51132 : 248,336,363

Nợ TK 51133 : 5,967,932,693

Nợ TK 51138 : 519,221,802

Nợ TK 515 : 372,145

Có TK 911 : 10,488,583,815

+ Kết chuyển giá vốn

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Nợ TK 911: 10,329,388,726

Có 6321 : 3,634,323,345

Có 6322 : 235,070,352

Có 6323 : 5,282,181,573

Có 6328 : 469,523,039

Có TK 642 : 651,766,833

Có TK635 : 56,523,584

+ Xác định thuế TNDN

Nợ TK821 : 39,798,772

Có TK3334: 39,798,772

Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Nợ TK911 : 39,798,772

Có TK821 : 39,798,772

+Lợi nhuận sau thuế

Nợ TK 911 : 119,396,317

Có TK 421 : 119,396,317

Biểu số 2.19:

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty
cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 năm 2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đổi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
31/12/09	KC2190	31/12/09	Doanh thu nâng hạ cont	51131	3,752,720,812	
				911		3,752,720,812
31/12/09	KC2190	31/12/09	Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont	51132	248,336,363	
				911		248,336,363
31/12/09	KC2190	31/12/09	Doanh thu vận tải biển	51133	5,967,932,693	
				911		5,967,932,693
31/12/09	KC2190	31/12/09	Doanh thu dịch vụ khác	51138	519,221,802	
				911		519,221,802
31/12/09	KC2190	31/12/09	Doanh thu tài chính	515	372,145	
				911		372,145
31/12/09	KC2190	31/12/09	KC Giá vốn nâng hạ cont	911	3,634,323,345	
				6321		3,634,323,345
31/12/09	KC2190	31/12/09	KC Giá vốn D/O+VSC+lưu cont	911	235,070,352	
				6322		235,070,352
31/12/09	KC2190	31/12/09	KC Giá vốn vận tải biển	911	5,282,181,573	
				6323		5,282,181,573
31/12/09	KC2190	31/12/09	KC Giá vốn dịch vụ khác	911	469,523,039	
				6328		469,523,039
31/12/09	KC2190	31/12/09	KC Chi phí QLDN	911	651,766,833	
				642		651,766,833
31/12/09	KC2190	31/12/09	KC Chi phí hđ tài chính	911	56,523,584	
				635		56,523,584
					
			Cộng		45,515,093,621	45,515,093,621

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty
cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2009

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: **911**

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
KC2190	31/12/09	KC Giá vốn nâng hạ cont	6321	3,634,323,345	
KC2190	31/12/09	KC Giá vốn D/O+VSC+lưu cont	6322	235,070,352	
KC2190	31/12/09	KC Giá vốn vận tải biển	6323	5,282,181,573	
KC2190	31/12/09	KC Giá vốn dịch vụ khác	6328	469,523,039	
KC2190	31/12/09	KC Chi phí hđ tài chính	635	56,523,584	
KC2190	31/12/09	KC Chi phí QLDN	642	651,766,833	
KC2190	31/12/09	Doanh thu nâng hạ cont	51131		3,752,720,812
KC2190	31/12/09	Doanh thu phí D/O+ VSC+ lưu cont	51132		248,336,363
KC2190	31/12/09	Doanh thu vận tải biển	51133		5,967,932,693
KC2190	31/12/09	Doanh thu dịch vụ khác	51138		519,221,802
KC2190	31/12/09	KC Doanh thu hđ tài chính	515		372,145
KC2190	31/12/09	Kết chuyển CPTTNDN	821	39,798.772	
KC2190	31/12/09	KC lãi	421	119,396,317	
		Cộng		10,488,583,815	10,488,583,815

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty cp tmdv&vận tải Thái Hà
Số 32 ngõ 9 đường Hồ Sen-hàng Kênh-Lê Chân –Hải Phòng

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2009

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: **421**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ		22,271,303	
			Số phát sinh			
31/12/09	KC2190	31/12	KC lãi quý 4/2009	911		119,396,317
			Cộng số phát sinh			119,396,317
			Số dư cuối kỳ			97,125,014

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Giám đốc

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THÁI HÀ

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Bất kì một Doanh nghiệp nào dù là doanh nghiệp tư nhân hay các công ty cổ phần hay các doanh nghiệp nhà nước thì mục tiêu hoạt động của họ cũng là lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp được coi là sống còn. Bởi vậy tăng cường công tác quản lí và không ngừng hoàn thiện công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nhiệm vụ không thể thiếu của mỗi doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà là một doanh nghiệp tuy mới thành lập được 5 năm nhưng Công ty đã xây dựng đ- ợc một mô hình quản lí, hạch toán khoa học phù hợp với nhiệm vụ và chức năng của công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh dịch vụ thương mại vận tải của mình.

Cùng với sự chuyển đổi nền kinh tế thì phương thức kinh doanh và công tác quản lí của Công ty cũng có những thay đổi để phù hợp với cơ chế mới. Sự chuyển đổi đó đã giúp cho Công ty không ngừng phát triển, để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Qua thời gian thực tập ở Công Ty Cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà em xin đưa ra một số những nhận xét đánh giá khách quan về những ưu, nhược điểm của công ty và đưa ra một số ý kiến, biện pháp để công ty có thể phát triển hơn, tạo ra nhiều lợi nhuận cho công ty cũng như tạo được vị thế của mình trong nền kinh tế đang có sự cạnh tranh gay gắt.

3.1.1 Ưu điểm:

Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và vận tải Thái Hà hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ vận chuyển hàng hoá vận tải đa phương thức, nâng hạ, xếp dỡ hàng hoá vận tải thuỷ bộ...

Với đội ngũ lãnh đạo năng động, khả năng nắm bắt thông tin trên thị trường nhạy bén, cơ cấu tổ chức khoa học, gọn nhẹ, phù hợp với nhu cầu kinh doanh. Ban Giám đốc hàng năm xây dựng kế hoạch đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu cụ thể, đồng thời có những đối sách phù hợp, kịp thời đảm bảo cho hoạt động kinh doanh thuận lợi. Đội ngũ nhân viên trẻ trung, năng động, có năng lực, nhiệt tình với công việc. Cán bộ công nhân viên trong công ty luôn tâm niệm lợi ích của công ty gắn liền với lợi ích của bản thân. Vì vậy họ không ngừng cố gắng hoàn thành tốt công việc đem lại hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

*** Về tổ chức kế toán**

Trong nền kinh tế hiện nay thương mại dịch vụ đang ngày càng trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Là một công ty chuyên về dịch vụ giao nhận, vận tải hàng hóa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà đang không ngừng mở rộng thị trường, cung ứng các dịch vụ một cách đa dạng và có chất lượng hơn. Tổ chức kế toán ở Công ty đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra, đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán với các bộ phận có liên quan cũng như giữa các nội dung của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Tổ chức kế toán ở Công ty hiện nay tương đối hợp lý với điều kiện thực tế ở công ty. Trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán Công ty đã tổ chức một cách linh hoạt vừa đơn giản vừa đáp ứng yêu cầu không những phản ánh trung thực, khách quan tình hình kinh doanh của doanh nghiệp mà còn giúp ích cho vấn đề quản trị doanh nghiệp, mở ra nhiều triển vọng mới cho doanh nghiệp. Công tác tổ chức này đã có những thành tựu sau:

-Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai tính thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

-Trong công tác tổ chức hạch toán tổng hợp các nghiệp vụ phát sinh, kế toán đã áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hiện hành theo đúng chế độ của BTC ban hành, phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất được ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.

Việc tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, khoa học trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán hiện hành và rất phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

-Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được ra các chính sách tiết kiệm chi phí.

*** Về bộ máy kế toán**

Các kế toán viên trong công ty hầu hết đều có trình độ từ cao đẳng trở lên và thâm niên trung bình từ 2 đến 5 năm . Vì vậy các kế toán viên có thể dễ dàng tiếp cận với sự thay đổi của chế độ kế toán .

Bộ máy kế toán công ty tương đối gọn nhẹ theo hướng chuyên môn hoá.

Công tác đào tạo cán bộ kế toán được chú trọng, hiện nay Công ty không ngừng tạo điều kiện cho các nhân viên đi học thêm nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn.

*** Về hình thức kế toán:**

Trong việc tổ chức hệ thống sổ sách, kế toán Công ty đã áp dụng hình thức **Nhật ký chung** phù hợp với lao động kế toán thủ công và tạo điều kiện cho việc chuyên môn hoá công tác kế toán. Tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, khoa học trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty, nhờ vậy hạch toán kế toán và báo cáo kế toán

thực hiện có nề nếp, quản lý khá chặt chẽ về các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

*** Về sử dụng và luân chuyển chứng từ:**

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của công ty tương đối gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận, quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý.

*** Về hệ thống và ghi chép sổ sách kế toán:**

Công ty mở một hệ thống sổ sách hợp lý, hoàn chỉnh gọn nhẹ, có độ tin cậy cao. Việc ghi chép đảm bảo tính hợp lý và có cơ sở pháp lý. Ở phòng kế toán công ty có sự phân công trách nhiệm cho mỗi người do đó giúp cho việc ghi sổ thống nhất, đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu các sổ giữa các bộ phận kế toán.

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được trong công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì Công ty vẫn còn có những nhược điểm nhất định trong quá trình phát triển của mình.

*** Bộ máy kế toán và phương pháp hạch toán**

Tuy bộ máy kế toán của công ty là những người trẻ tuổi năng động nhưng trình độ chuyên môn của các kế toán viên còn kém, khả năng tin học chưa cao.

Phương pháp hạch toán:

Trong điều kiện kinh tế thị trường như hiện nay, tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến động về quy mô, ngành nghề hoạt động kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức hạch toán... Và với khối lượng công việc ngày càng nhiều. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán mà còn ghi sổ theo cách thủ công, nên nếu có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh cùng một lúc sẽ không thể ghi chép nhanh được, làm ứ đọng công việc dễ dẫn đến những nhầm lẫn, sai sót. Công ty nên áp dụng phần mềm

kế toán vào việc hạch toán để công việc chính xác, dễ dàng, nhanh chóng, và thuận tiện cho khách hàng cũng như chính công việc của công ty.

*** Công tác thu hồi vốn**

Tuy công ty có rất nhiều bạn hàng, ngoài những khách hàng đến thuê dịch vụ và thanh toán ngay, công ty còn có các khách hàng thường xuyên, bạn hàng quen thuộc thường đến đăng kí thuê dịch vụ và thanh toán sau. Chính điều này đặt cho kế toán Công ty trách nhiệm rất nặng nề. Thường xuyên phải kiểm tra, theo dõi một lượng tài sản khá lớn của mình nhưng vẫn còn đang trong quy trình thanh toán. Doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến công tác thu hồi vốn nên dẫn đến bị chiếm dụng vốn.

*** Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Trong kì đã phát sinh các nghiệp vụ các khoản phải thu khó đòi, có nhiều khách hàng đã đến hạn phải thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp không thu hồi được nợ và doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng.

*** Các chính sách bán hàng**

Công ty chưa có những chính sách ưu đãi như chiết khấu thương mại, trả chậm cho những khách hàng thường xuyên, cho những đơn hàng có giá trị lớn. Đây cũng là một nhược điểm làm giảm doanh thu của công ty trong giai đoạn cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

*** Quy trình luân chuyển chứng từ**

Quy trình luân chuyển chứng từ của công ty còn chưa khoa học nhiều khi dẫn đến những mất mát không đáng có do có nhiều nghiệp vụ phát sinh cùng một lúc của nhiều khách hàng khác nhau.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà .

Nền kinh tế Việt Nam đang từng ngày hội nhập và phát triển các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói chung và cung cấp dịch vụ nói riêng phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp cần tìm kiếm các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế

của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin.

Đối với một doanh nghiệp thương mại dịch vụ với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp thương mại dịch vụ. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước

Công ty cần nắm vững quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà nước, nắm bắt nhanh nhạy các yêu cầu của thị trường để có thể ra những quyết định kinh doanh một cách đúng đắn, hợp lý, và đúng thời điểm thuận lợi nhất.

Hoàn thiện về bộ máy kế toán và phương pháp hạch toán

Để đảm bảo cho công tác kế toán cho hiệu quả hơn, đòi hỏi từng phần hành phải hạch toán vào sổ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tránh tình trạng dồn công việc đến cuối tháng, cuối kỳ sẽ dẫn đến phản ánh thiếu hoặc không chính xác tình hình tài chính của công ty.

Công ty phải thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán toàn công ty.

Công ty phải trang bị cơ sở vật chất đầy đủ cho phòng kế toán. Bộ máy kế toán phải khoa học hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày nay khi công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác kế toán nói riêng là một tất yếu. Bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức “Nhật kí chung”, hình thức này số lượng trùng lặp ghi sổ rất nhiều, công kênh nên việc áp dụng phần mềm vi tính là rất phù hợp. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức “Nhật kí chung”.

Sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán.

Hoàn thiện về việc thu hồi nợ.

Cuối niên độ kế toán doanh nghiệp phải có dự kiến số nợ có khả năng khó đòi, tính trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ hạch toán. Số tính trước này được gọi là dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Việc xác định số lập dự phòng về các khoản phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ khó đòi phải theo quy định của cơ chế tài chính.

Doanh nghiệp mở TK 139 để theo dõi

Nợ	TK 139	Có
- Các khoản nợ phải thu khó đòi không thu được phải xử lý xoá nợ. - Kết chuyển số chênh lệch về dự phòng đã lập không sử dụng còn lại đến cuối niên độ kế toán lớn hơn số phải trích lập dự phòng cho niên độ sau.		- Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi tính vào chi phí.
		DC: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi còn lại vào cuối kỳ

- Căn cứ vào quy định của cơ chế tài chính, cuối niên độ kế toán, tính dự phòng các khoản phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí QLDN

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Khi hoàn nhập các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định, ghi:

Nợ TK 139

Có TK 642

- Nếu có khoản phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được, doanh nghiệp làm thủ tục xoá nợ, ghi:

Nợ TK 139

Có TK 131

Có TK 138 - Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý. Đối với những khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu khách hàng trả lại, khi thu tiền, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 711

Đồng thời ghi vào bên có TK 004- Nợ khó đòi đã xử lý. (TK ngoài bảng)

Khi tính số dự phòng phải thu khó đòi của niên độ sau:

Trường hợp số dự phòng cần lập của niên độ sau ít hơn số dự phòng đã lập của niên độ trước thì số chênh lệch ghi:

Nợ TK 139

Có TK 642

Trường hợp số dự phòng cần lập của niên độ sau nhiều hơn số dự phòng đã lập còn lại của niên độ trước thì số phải lập dự phòng bổ sung ghi:

Nợ TK 642

Có TK 139

Do trong năm 2009, nền kinh tế thế giới bị khủng hoảng suy thoái, nên công ty đã không đạt được chỉ tiêu đặt ra. Đây là nguyên nhân khách quan tuy nhiên công ty cũng cần đề ra những biện pháp, chính sách bán hàng nhằm đạt được doanh số và lợi nhuận cao hơn trong năm tới.

Công ty có chính sách khuyến khích khách hàng để khả năng tăng vòng quay lưu chuyển vốn được nhanh hơn, tăng doanh số cung ứng dịch vụ đồng thời giảm được nợ quá hạn mức bằng cách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Từ tình hình đó, công ty có thể ra quy định với từng thời hạn thanh toán để ra các mức chiết khấu khác nhau. VD: Nếu dịch vụ cung ứng lớn được thanh toán tiền ngay thì CK từ 3-5%; trong 30 ngày tiếp theo : 2%.

Để hạch toán các nghiệp vụ này Công ty phải sử dụng các tài khoản sau:

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Khi phát sinh chiết khấu, kế toán ghi định khoản như sau:

Nợ TK 635

Có TK 131

Hoặc Có TK 111, 112

Cuối tháng kế toán kết chuyển sang tài khoản 911 Xác định kết quả kinh doanh.

Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay

nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

(1): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm

(2): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí

(3): Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (việc xoá nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 711 - Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Nợ TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi

khi khách hàng có điều kiện trả nợ

Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi

Nợ TK 111,112

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Có TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý)

Cần có bộ phận thu hồi công nợ và đề ra chế độ thưởng phạt rõ ràng đối với những khách hàng của mình.

Từ những đòi hỏi khách quan nói trên thì việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi:

- Việc hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực mà công ty kinh doanh bởi vì trên thực tế có những loại hình kinh doanh thì phù hợp với hình thức kế toán này nhưng cũng có những mô hình kinh doanh lại không phù hợp với hình thức kế toán ấy.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế. Công ty cần nắm vững quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà nước, nắm bắt nhanh nhạy các yêu cầu của thị trường để có thể ra những quyết định kinh doanh một cách đúng đắn, hợp lý, và đúng thời điểm thuận lợi nhất.

Chính sách bán hàng

Để khách hàng biết đến doanh nghiệp cần phải đưa ra những chính sách thông thoáng. Công ty nên cho khách hàng được hưởng chiết khấu thương mại. Nếu khách hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã được giảm.

Phương pháp hạch toán như sau:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:
 - Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)
 - Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
 - Có TK 111,112 - Thanh toán ngay
 - Có TK 131 - Phải thu của khách hàng
- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần
 - Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Có TK 521 – Chiết khấu thương mại

Với sự ưu đãi này công ty không chỉ giữ được khách hàng truyền thống mà còn thu hút được khách hàng mới trong tương lai vì sự ưu đãi này sẽ thúc đẩy quá trình cung ứng dịch vụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường, tăng thêm lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ

Công ty phải luôn có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kế toán về tài khoản sử dụng, các quan hệ đối ứng tài khoản và chế độ sổ sách kế toán.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp với nhau. Để đứng vững trên thị trường và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn. Nhưng chính sự biến động này của nền kinh tế đã giúp nhiều doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Qua toàn bộ nội dung được trình bày ở trên, việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong sự phát triển lớn mạnh của các doanh nghiệp. Làm tốt nghiệp vụ công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những phản ánh trung thực, khách quan tình hình kinh doanh của doanh nghiệp mà còn tạo uy tín cho doanh nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ cho tất cả các doanh nghiệp có nhu cầu

Việc hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ bán hàng và xác định kết quả là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp tổ chức hoạt động tiêu thụ hàng hoá của mình một cách có hiệu quả hơn, đồng thời nó giúp doanh nghiệp có thể quản lý tốt hơn hoạt động tiêu thụ của mình, đảm bảo lấy thu bù chi và có lãi. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Do thời gian thực tập chưa nhiều, nên các vấn đề đưa ra trong chuyên đề này chưa có tính khái quát cao, việc giải quyết chưa hẳn đã hoàn toàn thấu đáo và không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp chỉ bảo của cán bộ trong công ty, các thầy cô giáo để khoá luận tốt nghiệp của em được tốt hơn nữa

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình hiệu quả của Ban lãnh đạo Công ty, phòng kế toán Công ty cùng Thầy giáo Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ đã hướng dẫn chỉ bảo em hoàn thành Luận văn này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán doanh nghiệp lý thuyết – Bài tập mẫu và bài giải- PGS- TS Nguyễn Văn Công
2. H- ướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới- TS Võ Văn Nhị
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp(Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán- NXB tài chính
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp(Quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán- NXB tài chính
5. Hệ thống kế toán Việt Nam - Nhà xuất bản lao động xã hội
6. Một số tài liệu kinh tế - tài chính khác